

Bản án số: 21/2017/HSST
Ngày 27/7/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y-TỈNH NINH BÌNH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Lực.

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Phạm Thị Mai.

- Bà Nguyễn Thị Huế.

Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Kim Anh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngoan, Kiểm sát viên.

Ngày 27/7/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình; xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 22/2017/HSST ngày 02/6/2017 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn V sinh năm 1990; tại xã H, huyện T, tỉnh Hưng Yên; trú tại thôn P, xã P, huyện T, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hóa 12/12; con ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Đ; vợ Dương Thị Ph chưa có con; tiền sự không, tiền án không; về nhân thân ngày 21/7/2016 bị Công an huyện T, thành phố Hà Nội khởi tố về tội “Trộm cắp tài sản” và bị cáo đang bị tạm giam tại Trại giam số 2 - Công an thành phố Hà Nội theo Lệnh tạm giam của Công an huyện T, thành phố Hà Nội; có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: - Ông Nguyễn Văn M sinh năm 1964; trú tại phố 1, thị trấn N, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; có mặt tại phiên tòa.

- Chị Nguyễn Thị H sinh năm 1991; trú tại phố 1, thị trấn N, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; có mặt tại phiên tòa.

NHÂN THẤY

Bị cáo Nguyễn Văn V bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Ngày 15/12/2016 chị H đi lễ tại chùa Đồng Tháp ở xã L có gặp và quen V, V giới thiệu với chị H tên mình là Q, hiện là cán bộ Công an, công tác tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội-Bộ Công an, về công tác và phối hợp với Công an tỉnh Ninh Bình truy bắt tội phạm. Do tin tưởng V nên chị H đã đưa V về nhà chơi và được gia đình chị H cho ở nhờ, để tạo niềm tin với gia đình chị H, V đã ra Hà Nội mua của một người đàn ông không rõ lai lịch 01 bộ trang phục cảnh sát nhân dân, quân hàm thượng úy mang về nhà chị H và thỉnh thoảng mang ra mặc. Trong khi ở nhà chị H, V thường xuyên sử dụng xe mô tô biển kiểm soát 35B1-242.52 của chị H để đi lại. Sau khi được gia đình chị H tin tưởng, V đã nhiều lần nói dối với gia đình nhà chị H để chiếm đoạt tiền, tài sản, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Ngày 27/12/2016 V nói dối với ông M và bà Đ (là bố mẹ chị H) là V bị mất thẻ ATM không rút được tiền mục đích để chiếm đoạt tiền, V hỏi vay ông

M bà Đ số tiền 6.000.000 đồng để lấy tiền đi công tác và buôn bán mỹ phẩm qua mạng, bà Đ và ông M nhất trí, ông M đã đưa 6.000.000 đồng cho V, V đã tiêu sài hết số tiền trên.

Vụ thứ hai: Ngày 10/01/2017 V nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô của chị H, V nói với chị H là cần đóng giả xe ôm để đi bắt tội phạm, nên mượn xe của chị H cùng giấy tờ xe và chứng minh thư của chị H để Cảnh sát giao thông kiểm tra không bị lộ, chị H tin tưởng nên khoảng 12 giờ cùng ngày chị H đã giao xe cùng giấy tờ xe và chứng minh nhân dân cho V. Sau khi nhận tài sản, V mang đến tiệm cầm đồ G Lan của anh G ở thành phố Ninh Bình để cầm cố, anh G thấy V mặc trang phục cảnh sát nhân dân, V nói đang công tác tại Công an tỉnh Ninh Bình, nên anh G đồng ý cho V cầm cố chiếc xe mô tô lấy 9.000.000 đồng, V để lại giấy tờ xe và chứng minh nhân dân của chị H, hẹn 5 ngày sau quay lại. Sau khi có tiền V bỏ trốn vào thành phố Hồ Chí Minh, rồi quay về thị trấn EAKAR, huyện EAKAR, tỉnh Đắk Lắk, số tiền cầm cố xe V chi tiêu cá nhân hết. Chị H và gia đình đã nhiều lần liên lạc yêu cầu trả tài sản, nhưng V cắt đứt liên lạc với gia đình chị H. Ngày 05/02/2017 chị L (vợ anh G) tìm gặp và thông báo cho chị H biết xe của chị bị V đem cầm cố tại cửa hàng, chị H đã chuộc lại xe mô tô của mình và nhận lại giấy tờ liên quan. Ngày 22/3/2017 và ngày 27/3/2017 chị H và ông M có đơn trình báo đến cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Ninh Bình.

Ngày 25/3/2017 V bị Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Ninh Bình bắt giữ tại thị trấn thị trấn EAKAR, huyện EAKAR, tỉnh Đắk Lắk, theo quyết định truy nã của cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện T, thành phố Hà Nội về tội “Trộm cắp tài sản”, thu giữ 01 bộ trang phục cảnh sát, 01 bộ ve hàm cấp bậc thượng úy, 01 biển hiệu mang tên Nguyễn Minh V số hiệu 259-699, 01 đôi tất màu xanh, 01 đôi giày da màu đen. Sau đó Công an huyện T, thành phố Hà Nội đã dẫn giải V về xử lý theo thẩm quyền.

Ngày 27/3/2017 Hội đồng định giá tài sản, trong tổ tụng hình sự thành phố Ninh Bình kết luận: Giá trị xe mô tô BKS 35B1-242.52 của chị H là 9.000.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 23/CT-VKS ngày 31/5/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, truy tố bị cáo V ra trước Tòa án nhân dân huyện Y, để xét xử về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 139 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo V về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 139, điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự, để xử phạt bị cáo V từ 15 tháng đến 18 tháng tù.

- Áp dụng Điều 41 của Bộ luật Hình sự, Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy “01 bộ quần áo trang phục cảnh sát; 01 bộ ve, hàm cấp bậc thượng úy; 01 đôi càn tùng cấp úy; 01 biển hiệu mang tên Nguyễn Minh V số hiệu 259-699; 01 đôi tất màu xanh và 01 đôi giày màu đen”.

- Áp dụng Điều 42 của Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 589 và Điều 357 của Bộ luật Dân sự; buộc bị cáo V phải bồi thường cho ông H 6.000.000 đồng và bồi thường cho chị H 9.000.000 đồng.

Bị cáo V khai: Khi gặp và làm quen với chị H, V nói dối với chị H tên là Vi hiện là Công an; V còn mua quần áo công an để mặc khi ở nhà chị H để tạo niềm tin. Do không có tiền tiêu xài, nên V đã lừa ông H để lấy tiền bằng cách hỏi vay 6.000.000 đồng, tiếp đến V lại lừa chị H bằng cách hỏi mượn xe mô tô cùng giấy tờ

xe và chứng minh nhân dân của chị H để đi công tác, sau khi lấy được xe mô tô và giấy tờ của chị H, V đã mang lên hiệu cầm đồ của anh G cầm đồ lấy 9.000.000 đồng rồi bỏ trốn.

Ông M khai: Thấy chị H dẫn V về nhà và được V giới thiệu tên là Q là Công an, V còn mặc quần áo và đeo quân hàm công an, nên gia đình tin tưởng, khi V nói mất thẻ ATM không rút được tiền nên hỏi vay tiền, ông M đã đồng ý và đưa cho V 6.000.000 đồng; V còn mượn xe mô tô của chị H mang lên thành phố Ninh Bình cầm đồ rồi bỏ trốn.

Chị H khai: Khi gặp và được V giới thiệu tên là Q là Công an, chị H tưởng thật đã mời V về nhà chơi và cho V ở nhờ, ngày 10/01/2017 V hỏi mượn xe mô tô BKS 35B1-242.52 của chị H cùng giấy tờ xe và chứng minh thư của chị H để đi công tác, chị H tin tưởng giao xe và giấy tờ cho V, nhưng sau đó không thấy V quay lại, chị H đã điện thoại cho V đòi lại xe nhưng không liên lạc được, đến ngày 05/02/2017 chị H mới biết là V đã mang xe mô tô của chị H lên Ninh Bình cầm đồ lấy tiền rồi bỏ trốn.

Nói lời sau cùng bị cáo V nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY

Lời khai của bị cáo V tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng về thời gian, địa điểm, hành vi của bị cáo và tài sản chiếm đoạt, nên có đủ cơ sở khẳng định:

Ngày 15/12/2016 tại chùa Đồng Tháp ở xã L, huyện Y, V đã gặp và làm quen với chị H, V giới thiệu với chị H tên mình là Q, hiện là cán bộ Công an, về công tác và phối hợp với Công an tỉnh Ninh Bình truy bắt tội phạm. Do tin tưởng nên chị H đã đưa V về nhà chơi và được gia đình chị H cho V ở nhờ. Để tạo niềm tin với gia đình ông M và chị H, nên V đã ra Hà Nội mua của một người không rõ lai lịch 01 bộ trang phục Cảnh sát nhân dân, bộ quân hàm thượng úy mang về nhà chị H và thỉnh thoảng mang ra mặc. Do không có tiền tiêu xài, nên ngày 27/12/2016 V nói dối với ông M và bà Đ là V bị mất thẻ ATM không rút được tiền, rồi hỏi hỏi vay tiền của ông M để lấy tiền đi công tác và buôn bán mỹ phẩm qua mạng, ông M tưởng thật đã đưa cho V 6.000.000 đồng. Ngày 10/01/2017 V lại nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô BKS 35B1-242.52 của chị H mang đi cầm đồ lấy tiền tiếp tục bỏ trốn truy nã vào Miền Nam, V nói dối chị H là cần đóng giả xe ôm để đi bắt tội phạm, nên hỏi mượn xe mô tô BKS 35B1-242.52 của chị H cùng giấy tờ xe và chứng minh nhân dân của chị H để Cảnh sát giao thông kiểm tra không bị lộ, chị H tin tưởng nên đã giao xe cùng giấy tờ xe và chứng minh nhân dân của chị H cho V, sau đó V mang xe mô tô cùng giấy tờ xe và chứng minh nhân dân của chị H đến hiệu cầm đồ của anh G ở thành phố Ninh Bình để cầm đồ lấy 9.000.000 đồng, rồi bỏ trốn. Chị H và gia đình ông M đã nhiều lần liên lạc với V qua điện thoại để yêu cầu V trả tài sản, nhưng V đã vứt sim điện thoại và không liên lạc với gia đình ông M và chị H.

Hành vi giả danh là Công an để tạo niềm tin và có những lời nói gian dối về việc vay tiền của ông M và mượn xe mô tô của chị H để đi công tác, làm cho ông M tưởng thật đã đưa cho V số tiền là 6.000.000 đồng và làm cho chị H tưởng là thật đã

đưa xe mô tô BKS 35B1-242.52 cùng giấy tờ xe và chứng minh nhân dân của chị H cho V. Sau khi lấy được tiền của ông M và xe mô tô của chị H, V đã mang xe mô tô của chị H đi cầm đồ lấy số tiền là 9.000.000 đồng, rồi bỏ trốn và tắt điện thoại không cho gia đình ông M và chị Hiện liên lạc với V, nhằm chiếm đoạt số tiền của ông M và xe mô tô của chị H. Hành vi nêu trên của bị cáo V là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an trong xã hội, trị giá chiếc xe mô tô BKS 35B1-242.52 của chị H là 9.000.000 đồng, nên tổng giá trị tài sản bị cáo V chiếm đoạt của ông M và của chị H là 15.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo V đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy Đ tại khoản 1 Điều 139 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo V lừa đảo chiếm đoạt tài sản của hai người, vào hai thời gian khác nhau, với trị giá tài sản chiếm đoạt của mỗi người đều trên 2.000.000 đồng, nên bị cáo V đã phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đó là “Phạm tội nhiều lần” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự. Do vậy cần xử phạt các bị cáo với mức án nghiêm minh, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, có như vậy mới có đủ điều kiện để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt cho xã hội và góp phần đấu tranh phòng ngừa chung.

Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét giảm nhẹ một phần về hình phạt cho bị cáo đó là “thành khẩn khai báo” theo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự.

Về vật chứng của vụ án: Tại biên bản bắt người đang bị truy nã đã thu giữ của V gồm “01 bộ quần áo trang phục cảnh sát; 01 bộ ve, hàm cấp bậc thượng úy; 01 biển hiệu mang tên Nguyễn Minh V số hiệu 259-699; 01 đôi tất màu xanh và 01 đôi giày màu đen”, thu giữ vật chứng do chị H giao nộp gồm “01 đôi cảnh tùng cấp úy”. Toàn bộ số vật chứng nêu trên kể cả đôi cảnh tùng do chị H giao nộp đều là tài sản của V mua tự do trên thị trường, để sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu tiêu hủy.

Về trách nhiệm dân sự:

- Tại phiên tòa ông M và V thỏa thuận, bị cáo V bồi thường cho ông M số tiền bị cáo đã chiếm đoạt của ông M là 6.000.000 đồng; việc thỏa thuận bồi thường giữa V với ông M là phù hợp với pháp luật, nên Tòa án chấp nhận.

- Tại phiên tòa chị H và V thỏa thuận, bị cáo V bồi thường cho chị H số tiền chị H đã bỏ ra để chuộc lại xe mô tô của chị H (do V mang đi cầm đồ) là 9.000.000 đồng; việc thỏa thuận bồi thường giữa V với chị H là phù hợp với pháp luật, nên Tòa án chấp nhận.

Ngoài hành vi phạm tội lừa đảo chiếm đoạt số tiền 6.000.000 đồng của ông M, bị cáo V còn lừa thêm của ông M ba lần với tổng số tiền là 2.000.000 đồng, đối với 3 hành vi này của bị cáo V do chưa đủ mức cấu thành tội phạm nên Công an huyện Y đã ra Quyết định xử phạt hành chính đối với V. Đối với anh G là người đã cầm đồ chiếc xe mô tô của chị H, nhưng do anh G không biết xe mô tô V mang cầm đồ cho anh G là tài sản do phạm tội mà có, nên hành vi của anh G không có dấu hiệu tội phạm.

Về án phí:

- Án phí hình sự: Bị cáo V bị xử có tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy Đ của pháp luật.

- Án phí dân sự: Bị cáo V bồi thường cho ông M số tiền là 6.000.000 đồng nên phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bị cáo V bồi thường cho chị H số tiền là 9.000.000 đồng nên phải chịu 450.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn V phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 139, điểm g khoản 1 Điều 48, điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Văn V 15 (mười lăm) tháng tù, thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 của Bộ luật Hình sự.

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn V phải bồi thường cho ông Nguyễn Văn M số tiền bị cáo lừa đảo của ông H là 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng chẵn).

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn V phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị H số tiền chị H đã bỏ ra để chuộc lại chiếc xe mô tô của chị H là 9.000.000 đồng (chín triệu đồng chẵn).

Kể từ ngày ông M và chị H có đơn yêu cầu thi hành án đối với số bị cáo V phải bồi thường cho ông M và cho chị H cho đến khi thi hành án xong, hằng tháng bị cáo V còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Về vật chứng: Áp dụng Điều 41 của Bộ luật Hình sự, Điều 76 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tịch thu tiêu hủy “01 bộ quần áo trang phục cảnh sát; 01 bộ ve, hàm cấp bậc thượng úy; 01 đôi cạp tông cấp úy; 01 biển hiệu mang tên Nguyễn Minh V số hiệu 259-699; 01 đôi tất màu xanh và 01 đôi giày màu đen”. Tất cả vật chứng có đặc điểm tình trạng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 15/6/2017 giữa Công an huyện Y với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y.

5. Về án phí: Áp dụng Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Án phí hình sự: Buộc bị cáo Nguyễn Văn V phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Án phí dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Văn V phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc bồi thường cho ông M và phải chịu 450.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc bồi thường cho chị H.

Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

- VKSND huyện Y
- Bị cáo,
- Người bị hại
- Lưu hồ sơ

Đã ký

Bùi Văn Lực